

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT I
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2023/HS-ST
Ngày 26-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT I

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Ngọc Ứng;
2. Ông Trần Duy Hồ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Long Hồ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2023/TLST-HS, ngày 14 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 12 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Trần Q, sinh ngày 25/12/1997 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm W, phường E, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 05/12; Quốc tịch: Việt I; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: I; con ông Trần T, sinh năm 1968 (chết) và bà Lê Thị Y, sinh năm 1970; vợ: Đào Thị U, sinh năm 2001; con: 02 người (lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2021); tiền sự, tiền án: Chưa có; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn I, sinh ngày 23/11/1994 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khóm O, phường E, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt I; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: I; con ông Nguyễn A, sinh năm 1974 và bà Nguyễn S, sinh năm 1973; vợ: Châu Thị D, sinh năm 1996; con: 02 người (lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2020); tiền sự, tiền án: Chưa có; tạm giữ, tạm giam:

Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Nguyễn A, sinh ngày 16/6/1966 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp G, xã Z, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Thị H, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm W, phường E, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài nên vào khoảng 23 giờ ngày 13/7/2023, Trần Q điều khiển xe mô tô biển số 47P1-057.85 (Q mượn của chị Lê Thị H) kéo theo xe đẩy tự chế bằng kim loại đi tìm tài sản lấy trộm. Trên đường đi Q gặp Nguyễn I đang đi bộ ngoài đường nên rủ I đi tìm tài sản lấy trộm, I đồng ý Q xe đi cùng. Đến khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 13/7/2023, khi đến trước nhà bà Nguyễn A, ngụ ấp G Thuận, xã Z, thành phố R, Q và I thấy 01 (một) thùng nhựa, màu đỏ, loại dùng để đông lạnh thực phẩm nên cả 02 lén lút khiêng để vào xe đẩy và chở về nhà Q cất giấu.

Khi phát hiện tài sản bị mất trộm, bà Nguyễn A đến Công an xã Z, thành phố R trình báo vụ việc. Đến ngày 14/7/2023, Công an xã Z mời Trần Q, Nguyễn I về cơ quan Công an làm việc, cả hai đã thành khẩn khai nhận hành vi lấy trộm 01 (một) thùng nhựa, màu đỏ, loại dùng để đông lạnh thực phẩm của bà Nguyễn A.

- Vật chứng vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) thùng nhựa màu đỏ, loại thùng để đông lạnh thực phẩm, chiều dài 95cm, rộng 56cm, cao 73cm, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô biển số 47P1-057.85, nhãn hiệu Wave RSX, màu đỏ-đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động bên trong; 01 (một) xe đẩy tự chế, bằng kim loại, có chiều dài 225cm, chiều rộng 67cm, chiều cao 64cm, đã qua sử dụng; 01 (một) áo khoác bên ngoài màu đỏ, phía sau lưng có chữ “ANPAI”, phía bên vai trái có chữ “ANPAI”, phía bên trong màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) quần màu đen, có ba sọc trắng hai bên, đã qua sử dụng; 01 (một) áo khoác màu đen, có hai sọc trắng hai bên tay áo, phía trên ngực trái có chữ “RG”, đã qua sử dụng; 01 (một) quần Sort ngắn, Jear màu xanh nước biển - trắng, đã qua sử dụng

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 28/KL-HĐĐG ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố R. Kết luận: Giá trị 01 (một) thùng nhựa màu đỏ, loại thùng để đông lạnh thực phẩm, chiều dài 95cm, rộng 56cm, cao 73cm, đã qua sử dụng là 2.850.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý: Trả lại cho bị hại Nguyễn A 01 (một) thùng nhựa màu đỏ, loại thùng để đông lạnh thực phẩm, chiều dài 95cm, rộng 56cm, cao 73cm, đã qua sử dụng; Trả lại cho Nguyễn I: 01 (một) áo khoác màu đen, có hai sọc trắng hai bên tay áo, phía trên ngực trái có chữ “RG”; 01 (một) quần Sort ngắn, Jear màu xanh nước biển - trắng, đã qua sử dụng; Trả lại cho Trần Q 01 (một) áo khoác bên ngoài màu đỏ, phía sau lưng có chữ “ANPAI”, phía bên vai trái có chữ “ANPAI”, phía bên trong màu đen; 01 (một) quần màu đen, có ba sọc trắng hai bên, đã qua sử dụng; Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị H 01 (một) xe mô tô biển số 47P1-057.85, nhãn hiệu Wave RSX, màu đỏ-đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động bên trong.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo Trần Q và Nguyễn I đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện.

Tại bản cáo trạng số: 67/CT-VKSTPHN, ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Đồng Tháp truy tố các bị cáo Trần Q và Nguyễn I về tội “Trộm cắp tài sản” quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của các bị cáo Trần Q và Nguyễn I đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Q mức hình phạt tù 09 tháng đến 01 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn I mức hình phạt tù 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đối với việc chị Lê Thị H cho Trần Q mượn phương tiện xe mô tô biển số

47P1-057.85, nhãn hiệu Wave RSX, màu đỏ-đen, chở Nguyễn I đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Qua điều tra, bị cáo Nguyễn I không biết Q mượn xe đi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ xử lý Nguyễn I với vai trò đồng phạm về tội “Trộm cắp tài sản” do đó không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử lý.

- Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý:

Trả lại cho bị hại Nguyễn A 01 (một) thùng nhựa màu đỏ, loại thùng đựng đông lạnh thực phẩm, chiều dài 95cm, rộng 56cm, cao 73cm, đã qua sử dụng;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn I: 01 (một) áo khoác màu đen, có hai sọc trắng hai bên tay áo, phía trên ngực trái có chữ “RG”; 01 (một) quần Sort ngắn, Jear màu xanh nước biển - trắng, đã qua sử dụng;

Trả lại cho cáo Trần Q: 01 (một) áo khoác bên ngoài màu đỏ, phía sau lưng có chữ “ANPAI”, phía bên vai trái có chữ “ANPAI”, phía bên trong màu đen; 01 (một) quần màu đen, có ba sọc trắng hai bên, đã qua sử dụng;

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị H 01 (một) xe mô tô biển số 47P1-057.85, nhãn hiệu Wave RSX, màu đỏ-đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động bên trong.

Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Đối với 01 (một) xe đẩy tự chế, bằng kim loại, có chiều dài 225cm, chiều rộng 67cm, chiều cao 64cm, đã qua sử dụng. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Trần Q và là công cụ, phương tiện phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Luỹ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị H không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Tiên Q và Nguyễn I đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã thực hiện như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Q và Nguyễn I đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Cụ thể: Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 13/7/2023, Trần Q và Nguyễn I đã lén lút lấy trộm của bị hại Nguyễn Thị Luỹ 01 (một) thùng nhựa, màu đỏ, loại dùng để đông lạnh thực phẩm đem nhà Q cất giấu nhằm mục đích đem bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân thì bị Công an phát hiện mời làm việc thì Q và I đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số: 28/KL-HĐĐG ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố R. Kết luận: Giá trị 01 (một) thùng nhựa màu đỏ, loại thùng để đông lạnh thực phẩm, chiều dài 95cm, rộng 56cm, cao 73cm, đã qua sử dụng là 2.850.000 đồng.

Căn cứ vào lời thừa nhận của các bị cáo, lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Trần Q và Nguyễn I đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Hành vi tội phạm các bị cáo gây ra đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mặt khác còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Hiện nay tình hình trộm cắp trên cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố R nói riêng xảy ra ngày càng nhiều với thủ đoạn hết sức tinh vi. Nhằm

để ổn định trật tự trị an ở địa phương, góp phần vào công cuộc phòng, chống và ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử xét thấy phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về nhân thân bị cáo:

Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền sự, tiền án, nhưng vì muốn nhanh có tiền tiêu xài thỏa mãn nhu cầu bản thân, không phải lao động vất vả mà các bị cáo đã đi vào con đường phạm tội. Hành vi tội phạm của các bị cáo thể hiện sự thiếu ý thức trong tu dưỡng rèn luyện nhân cách nên phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo và thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội đã thực hiện, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Riêng bị cáo Trần Q được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự (bị cáo thuộc diện gia đình có công cách mạng, có ông nội là thương binh 4/4), Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cả 2 bị cáo đều không có.

[5] Trong vụ án có đồng phạm, nhưng thuộc dạng đồng phạm giản đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội từng bị cáo thực hiện để quyết định hình phạt cho tương xứng.

Bị cáo Trần Tiến I là người khởi xướng việc thực hiện hành vi phạm tội và chính bị cáo là người trực tiếp lấy trộm tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên xử phạt bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc hơn so với bị cáo I thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn I, khi bị cáo Q rủ rê thực hiện hành vi trộm tài sản bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân thì bị cáo đồng ý và thực hiện ngay, bị cáo là người trực tiếp cùng bị cáo Q đi lấy trộm tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo cũng nguy hiểm cho xã hội nên phải xử lý nghiêm theo quy định pháp luật.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho các bị cáo thấy được lỗi lầm của mình,

phần đầu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời, nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như các bị cáo.

[7] Đối với việc chị Lê Thị H cho Trần Q mượn phương tiện xe mô tô biển số 47P1-057.85, nhãn hiệu Wave RSX, màu đỏ-đen, chở Nguyễn I đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Qua điều tra, chị Tuyên không biết Q mượn xe đi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ xử lý Tuyên với vai trò đồng phạm về tội “Trộm cắp tài sản” do đó Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[8] Về vật chứng vụ án:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại Nguyễn A 01 (một) thùng nhựa màu đỏ, loại thùng để đông lạnh thực phẩm, chiều dài 95cm, rộng 56cm, cao 73cm, đã qua sử dụng (Bút lục 25); Trả lại cho Nguyễn I: 01 (một) áo khoác màu đen, có hai sọc trắng hai bên tay áo, phía trên ngực trái có chữ “RG”; 01 (một) quần Sort ngắn, Jear màu xanh nước biển - trắng, đã qua sử dụng; Trả lại cho Trần Q: 01 (một) áo khoác bên ngoài màu đỏ, phía sau lưng có chữ “ANPAI”, phía bên vai trái có chữ “ANPAI”, phía bên trong màu đen; 01 (một) quần màu đen, có ba sọc trắng hai bên, đã qua sử dụng; Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị H 01 (một) xe mô tô biển số 47P1-057.85, nhãn hiệu Wave RSX, màu đỏ-đen, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng hoạt động bên trong. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với 01 (một) xe đẩy tự chế, bằng kim loại, có chiều dài 225cm, chiều rộng 67cm, chiều cao 64cm, đã qua sử dụng. Đây là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Trần Q và là công cụ, phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Lữ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị H không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Q 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn I phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn I 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 (một) xe đẩy tự chế, bằng kim loại, có chiều dài 225cm, chiều rộng 67cm, chiều cao 64cm, đã qua sử dụng.

(Vật chứng trên hiện Chi cục thi hành án dân sự thành phố R đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/11/2023).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Buộc bị cáo Trần Tiến I và Nguyễn I mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/12/2023). Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. R;
- Nhà tạm giữ Công an TP. R;
- Cơ quan điều tra Công an TP. R;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thống